

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-PT

Ngày: 28 - 3 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Phi – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 14/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo Lê Ngọc Q và Lê Thành N do có kháng cáo ngày 06 tháng 01 năm 2023 và ngày 13 tháng 01 năm 2023 của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đối với các bị cáo:

1/ Lê Ngọc Q (tên thường gọi Tu Na), sinh ngày: 02/5/1986, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc : kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch : Việt Nam; con ông Lê Văn T sinh năm 1963 và bà Đặng Thi L, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Võ Thị Kim P (đã ly hôn), chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

Ngày 17/5/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “ Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 2 điều 134 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo chấp hành xong vào ngày 31/8/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Lê Thành N, sinh ngày: 16/4/1998, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc : kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch : Việt Nam; con ông Lê

Văn T sinh năm 1963 và bà Đặng Thi L, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/8/2020, trên đường đăl nông thôn Kênh Lạc thuộc ở ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, lực lượng Công an xã M, huyện C phát hiện bắt giữ Lê Thành N, sinh năm 1998, thường trú ấp M, xã T, huyện C điều khiển xe mô tô biển số 62H3 – 3618 đang vận chuyển 1.200 bao thuốc lá điều nhập lậu nên tiến hành thu giữ các vật chứng gồm:

- 1.200 bao thuốc lá điều nhập lậu gồm: 600 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Hero; 600 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Jet;

- 01 xe mô tô biển số 62H3-3618, nhãn hiệu Honda, loại Wave và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62H3-3618;

Quá trình xác minh, Lê Thành N khai nhận 1.200 bao thuốc lá bị thu giữ là của Lê Ngọc Q – anh ruột của N, tại nhà Q ở ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang còn tàng trữ thuốc lá điều nhập lậu.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Lê Ngọc Q ở tổ A, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, phát hiện và thu giữ tổng cộng 5.350 bao thuốc lá gồm:

- Tại vị trí góc phòng ở trong buồng phát hiện 10 bao gân màu xanh, bên trong 10 bao gân màu xanh có 1.930 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Jet; 2.270 thuốc lá điều ngoại nhập lậu hiệu Hero; 1.110 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Scott.

- Tại tủ nhôm trong buồng phát hiện 01 quyển tập; 10 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Scott; trên nền nhà bên phải tủ nhôm phát hiện 10 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Scott.

- Trên nền nhà trong phòng ngủ phát hiện 20 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Jet.

Quá trình điều tra, Lê Ngọc Q khai nhận: Vào khoảng tháng 8/2020, Q có quen với một người tên B ở Đồng Tháp (không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể), B gợi ý sẽ gửi thuốc lá ngoại nhập lậu ở nhà Q, khi nào Bình bán Qui được hưởng 4.000 đồng trên một cây thuốc, Q đồng ý. Sau khi đến xem xét chỗ ở của Q, B thỏa thuận sẽ giao thuốc lá cho Q tại chợ C thuộc ấp M, xã T, huyện C để tránh bị phát

hiện. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày 10/8/2020, B điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) có thùng kéo phía sau chở 11 bao, loại bao gân màu xanh bên trong tổng cộng có 6.600 bao thuốc lá điều nhập lậu đến chợ C rồi gọi điện thông báo cho Q đến nhận thuốc lá. Sau khi nhận 6.600 bao thuốc lá, Q gọi điện thoại cho Lê Thành N (em ruột của Q) điều khiển xe mô tô biển số 62H3-3618 của ông Lê Văn T (cha ruột N), sinh năm 1963, thường trú ấp M, xã T, huyện C đến cùng Q chở 11 bao gân màu xanh bên trong chứa 6.600 bao thuốc lá điều nhập lậu về nhà Q cất giấu. Ngày 11/8/2020 (không rõ giờ), một người phụ nữ (không rõ họ, tên địa chỉ) đến nhà Q nhận 50 bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu Hero, Q nhận số tiền 850.000 đồng, còn tổng cộng lại 5.350 bao Qui tiếp tục cất giữ.

Đối với Lê Thành N, mặc dù biết rõ 6.600 bao thuốc lá điều nhập lậu nhưng sau khi được Qui nhờ, N đã giúp Q vận chuyển về nhà Q cất giấu. Đến khoảng 15 giờ 10 phút ngày 19/8/2020, Q điện thoại kêu N điều khiển xe mô tô biển số 62H3 – 3618 chở 02 bao gân màu xanh bên trong có 1.200 bao thuốc lá điều nhập lậu tại nhà Q đem đến khu vực chợ H, huyện C để giao cho người khác theo yêu cầu của B, trên đường đi N bị lực lượng Công an xã M bắt quả tang cùng tang vật.

Ngày 10/9/2020, Lê Ngọc Q đến Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và chức vụ Công an huyện C đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội. Quá trình điều tra, Lê Ngọc Q và Lê Thành N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã tiến hành hỏi cung, đối chất bị cáo Lê Ngọc Q, Lê Thành N và Võ Thị Kim P vào các ngày 12/10/2022, 14/10/2022, 17/10/2022, 20/10/2022 có tổ chức ghi hình có âm thanh lưu vào đĩa DVD được niêm phong lưu vào hồ sơ vụ án. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người chứng kiến, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/6/2022, các bị cáo Lê Ngọc Q, Lê Thành N đều khai trong vụ án này ngoài hai bị cáo ra còn có chị Võ Thị Kim P sinh năm 1992, thường trú ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (là vợ của bị cáo Q) cùng tham gia, Q và chị P mua thuốc lá nhập lậu từ tỉnh An Giang sau đó sử dụng xe ô tô tải biển số 63C-152.40 chở về nhà cất giấu. Tuy nhiên, quá trình điều tra lại các bị cáo Lê Ngọc Q và Lê Thành N xin thay đổi lời khai và giữ nguyên lời khai tại phiên tòa sơ thẩm là chị Võ Thị Kim P không liên quan trong vụ án này, đồng thời tiếp tục thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo Lê Ngọc Q trình bày nguyên nhân tại phiên tòa phúc thẩm Q và N khai có chị Võ Thị Kim P cùng thực hiện hành vi phạm tội là do vào thời điểm xét xử phúc thẩm, chị P gửi đơn xin ly hôn với bị cáo Q nên bị cáo Q cố ý khai như vậy là để tạo áp lực đối với chị P buộc chị P rút đơn xin ly hôn. Còn bị cáo N khai P có tham gia trong vụ án là do trong thời gian chờ khai mạc phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N có tiếp xúc với bị cáo Q và được bị cáo Q trao đổi nội dung khai có chị P cùng tham gia. Kết quả điều tra lại không có chứng cứ để kết luận chị Võ Thị Kim P đồng phạm trong vụ án này.

Vật chứng thu giữ của vụ án: 01 xe mô tô biển số 62H3-3618, nhãn hiệu Honda, loại Wave và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62H3-3618; 12 bao gân; 2.550 bao thuốc lá hiệu Jet; 1.130 bao thuốc lá hiệu Scott; 2.870 bao thuốc lá hiệu Hero; 01 quyển tập.

Đối với người tên B do không rõ họ, địa chỉ cụ thể là người giao thuốc lá điều nhập lậu cho Q và N để tàng trữ trái phép, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Ngọc Q và Lê Thành N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

1- Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc Q 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2020.

2- Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 191, điểm s,t khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành N 04 (bốn) năm tù, về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, bị cáo Lê Ngọc Q có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 126/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, bị cáo Lê Thành N có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 126/2022/HS-ST ngày 29/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc Q và Lê Thành N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo tự bào chữa và nói lời sau cùng: Bị cáo Q xin được giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo N xin được giảm nhẹ và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Ngọc Q và Lê Thành N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân đúng như Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã nêu, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/8/2020, tại nhà của bị cáo Q tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, các bị cáo Lê Ngọc Q và Lê Thành N cùng có hành vi tàng trữ 6.600 bao thuốc lá điều nhập lậu. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc Q và Lê Thành N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 điều 191 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, Các bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo biết rõ việc vận chuyển, tàng trữ thuốc lá điều nhập lậu là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi bất chính nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo gây ra không chỉ gây mất an ninh trật tự tại địa phương, mà còn gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong việc quản lý thị trường và gây thiệt hại đến kinh tế cho những người kinh doanh hợp pháp khác. Do đó, nên cần phải xử lý các bị cáo một mức án nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Ngọc Q xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn bộ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo mức án 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù cho tội “Tàng trữ hàng cấm” là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Từ khi xét xử sơ thẩm đến nay, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào để xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thành N xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn bộ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo mức án 04 (bốn) năm tù cho tội “Tàng trữ hàng cấm” là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Từ khi xét xử sơ thẩm đến nay, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào để xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Các bị cáo Lê Ngọc Q và Lê Thành N mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Ngọc Q và Lê Thành N phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc Q **06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù**, về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2020.

Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 191, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thành N **04 (bốn) năm tù**, về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Ngọc Q và Lê Thành N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Công an huyện Cái Bè;
- THADS huyện Cái Bè;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Trung Hiếu

